

QUY ĐỊNH

Chính sách khuyến khích nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục, đào tạo và hỗ trợ hoạt động sáng tạo không chuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp
(Ban hành kèm theo Quyết định số 19 /2018/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nội dung quy định về chính sách khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục, đào tạo và hoạt động sáng tạo không chuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Học viên, sinh viên đang học tập tại các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh, có triển khai thực hiện các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng phục vụ sản xuất và đời sống.
- Học sinh có sản phẩm đạt giải tại các Cuộc thi sáng tạo Thanh, Thiếu niên nhi đồng từ cấp tỉnh trở lên.
- Các cá nhân, tập thể chưa có bằng cấp chuyên môn từ cao đẳng trở lên có sản phẩm đạt giải tại các Hội thi sáng tạo kỹ thuật của Tỉnh hoặc có sản phẩm từ hoạt động nghiên cứu sáng tạo được ứng dụng có hiệu quả trong lao động, sản xuất và đời sống trên địa bàn tỉnh.

Chương II QUY ĐỊNH VỀ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO

Điều 3. Mục tiêu hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục, đào tạo

- Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần phát hiện và bồi dưỡng nhân tài.
- Phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng nghiên cứu khoa học độc lập của học sinh, học viên và sinh viên; hình thành năng lực tự học cho học sinh, học viên và sinh viên.
- Góp phần tạo ra tri thức, sản phẩm mới cho xã hội.

Điều 4. Yêu cầu về hoạt động nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục, đào tạo

1. Phù hợp với khả năng và nguyện vọng của học sinh, học viên, sinh viên.
2. Phù hợp với mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục, đào tạo.
3. Phù hợp với định hướng hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục, đào tạo.
4. Kết quả nghiên cứu có giá trị khoa học, có tính mới và sáng tạo.

Điều 5. Hoạt động nghiên cứu khoa học được khuyến khích và hỗ trợ

Hoạt động nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục, đào tạo được khuyến khích, hỗ trợ bao gồm:

1. Nghiên cứu phát triển sản phẩm đạt giải tại các Hội thi sáng tạo kỹ thuật, Cuộc thi sáng tạo Thanh, Thiếu niên, Nhi đồng từ cấp tỉnh trở lên dưới hình thức đề tài khoa học.
2. Nghiên cứu triển khai ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh dưới hình thức dự án sản xuất thử nghiệm.
3. Thực hiện các hoạt động về thông tin khoa học, tổ chức hội nghị hội thảo khoa học, xuất bản ấn phẩm công bố công trình khoa học, thực hiện dịch vụ khoa học và công nghệ.

Điều 6. Điều kiện được hỗ trợ nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục, đào tạo

Nội dung đề xuất được xem xét hỗ trợ triển khai nghiên cứu tại cơ sở giáo dục, đào tạo phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

1. Sản phẩm đạt giải tại các Hội thi sáng tạo kỹ thuật, Cuộc thi sáng tạo Thanh, Thiếu niên, Nhi đồng từ cấp tỉnh trở lên có triển vọng ứng dụng trong thực tế hoặc thương mại hóa phục vụ sản xuất và đời sống.
2. Mục tiêu nghiên cứu nhằm hoàn thiện và phát triển sản phẩm đạt giải, nội dung thực hiện có tính mới, phương pháp triển khai khả thi, phù hợp với điều kiện kỹ thuật sẵn có, sản phẩm nghiên cứu dự kiến mang tính khả thi cao, có địa chỉ ứng dụng và nhân rộng vào thực tiễn.
3. Tổ chức chủ trì phải có đủ điều kiện về nhân lực và vật lực để triển khai các nội dung của đề tài, dự án đã được duyệt. Khuyến khích các tổ chức cùng phối hợp triển khai thực hiện.
4. Mỗi nhiệm vụ có thể do một cá nhân hoặc tập thể theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Quy định này thực hiện dưới sự hướng dẫn từ 01 - 03 người là giảng viên, giáo viên, cán bộ nghiên cứu tại cơ sở đào tạo; trong đó có một cá nhân làm chủ nhiệm nhiệm vụ, các cá nhân hướng dẫn khác là thành viên tham gia (không có đồng chủ nhiệm nhiệm vụ). Một cá nhân không đồng thời làm chủ nhiệm từ 02 nhiệm vụ trở lên trong cùng một thời gian.

5. Thời gian thực hiện nhiệm vụ trong Quy định này không quá 12 tháng.

Điều 7. Đề xuất nội dung nghiên cứu khoa học

1. Tập thể, cá nhân đáp ứng yêu cầu nêu tại Điều 4 và điều kiện nêu tại Điều 6 Quy định này được đề xuất với Sở Khoa học và Công nghệ hỗ trợ kinh phí để nghiên cứu thông qua cơ sở giáo dục, đào tạo đang theo học.

2. Hồ sơ đề xuất nội dung nghiên cứu bao gồm:

- Phiếu đăng ký nội dung nghiên cứu khoa học (theo mẫu);
- Phiếu thông tin về cá nhân tham gia nghiên cứu (theo mẫu);
- Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo.

3. Quy trình phê duyệt nội dung, triển khai và đánh giá nghiệm thu kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của Quy định này được áp dụng theo Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các văn bản bổ sung, sửa đổi (nếu có).

4. Nếu hồ sơ đề xuất có dự kiến kinh phí thực hiện nhiều hơn 300 triệu đồng, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét tính khả thi, tham mưu theo trình tự nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Điều 8. Công tác quản lý và phân cấp quản lý nhiệm vụ

1. Việc quản lý nội dung nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ tại các cơ sở giáo dục, đào tạo được thực hiện tương tự như nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các văn bản bổ sung, sửa đổi (nếu có).

2. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện công tác quản lý triển khai nhiệm vụ khoa học tại các cơ sở giáo dục, đào tạo như nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo quy định hiện hành về quản lý khoa học và công nghệ.

Điều 9. Xử lý nhiệm vụ không hoàn thành

1. Trường hợp nhiệm vụ không hoàn thành theo quyết định phê duyệt nhiệm vụ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày xác định kết quả không đạt, nhóm nghiên cứu có trách nhiệm lập báo cáo kết quả đã thực hiện, nêu rõ nguyên nhân không hoàn thành, kinh phí đã sử dụng gửi đến cơ sở giáo dục, đào tạo.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo xác định nhiệm vụ không hoàn thành, cơ sở giáo dục, đào tạo báo cáo chi tiết toàn bộ quá trình thực hiện (nội dung hoạt động và sử dụng kinh phí); xác định rõ các nguyên nhân (chủ quan, khách quan) gửi Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ sở giáo dục, đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm kiểm tra, xác định nguyên nhân dẫn đến việc nhiệm vụ không hoàn thành. Căn cứ kết

quả kiểm tra, xác định nguyên nhân, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định xử lý, cụ thể:

a) Cơ sở giáo dục, đào tạo có trách nhiệm nộp hoàn trả toàn bộ kinh phí từ ngân sách nhà nước của nhiệm vụ đã được cấp nhưng chưa sử dụng.

b) Đối với phần kinh phí của nhiệm vụ đã sử dụng:

- Trường hợp do nguyên nhân khách quan (thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn và các trường hợp khách quan khác được xác định cụ thể, rõ ràng): không phải hoàn trả kinh phí đã sử dụng;

- Trường hợp do nguyên nhân chủ quan có chứng minh được số kinh phí đã sử dụng đúng quy định, thu hồi tối thiểu 30% tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng;

- Trường hợp do nguyên nhân chủ quan và không chứng minh được kinh phí đã sử dụng đúng quy định, nộp trả 100% kinh phí đã sử dụng;

- Cơ sở giáo dục, đào tạo có trách nhiệm xác định kinh phí thu hồi của các bên liên quan (khoa, phòng chuyên môn, cán bộ hướng dẫn) để thực hiện nghĩa vụ nộp hoàn trả ngân sách nhà nước.

4. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ kết quả kiểm tra, kết quả đánh giá, nghiệm thu thực tế, quyết định mức thu hồi cụ thể quy định tại khoản 3, Điều này.

Điều 10. Trách nhiệm, quyền lợi của các tổ chức, cá nhân

1. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì

a) Chuẩn bị, đảm bảo đủ trang thiết bị, phòng thí nghiệm và tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện các nội dung nghiên cứu theo thuyết minh, đề cương chi tiết được duyệt và hợp đồng đã ký.

b) Ký hợp đồng nghiên cứu khoa học, thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về sở hữu trí tuệ, về tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm, về kỹ thuật an toàn, bảo hộ lao động, bảo vệ môi trường...

c) Chịu trách nhiệm tổ chức đánh giá nghiệm thu nội bộ theo quy định và hoàn thiện hồ sơ phục vụ đánh giá, nghiệm thu chính thức theo quy trình.

2. Trách nhiệm và quyền lợi của cá nhân thực hiện công tác nghiên cứu

a) Trách nhiệm

- Thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào thực tiễn đúng theo đề cương thuyết minh được duyệt;

- Tổ chức hoạt động về thông tin khoa học, hội nghị hội thảo khoa học, xuất bản ấn phẩm công bố công trình khoa học, thực hiện dịch vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt;

- Trung thực trong nghiên cứu khoa học, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định hiện hành về hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ.

b) Quyền lợi

- Được ưu tiên sử dụng các trang thiết bị sẵn có của cơ sở giáo dục, đào tạo để tiến hành nghiên cứu khoa học;

- Được quyền công bố kết quả nghiên cứu trên các kỷ yếu, tập san, tạp chí, thông báo khoa học của cơ sở đào tạo và các phương tiện thông tin khác;

- Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các kết quả nghiên cứu và công bố khoa học đã thực hiện theo quy định hiện hành;

- Được ưu tiên xét cấp học bổng; xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng nếu có thành tích nghiên cứu khoa học xuất sắc.

3. Trách nhiệm và quyền lợi của người hướng dẫn khoa học

a) Người hướng dẫn khoa học phải có trình độ từ đại học trở lên, có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu và chịu trách nhiệm về nội dung nghiên cứu được phân công hướng dẫn.

b) Chỉ được hướng dẫn tối đa một nhiệm vụ khoa học trong cùng thời gian.

c) Được hưởng chế độ thêm giờ nghiên cứu khoa học sau khi nhiệm vụ khoa học được đánh giá nghiệm thu.

d) Được ưu tiên xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng nếu có thành tích hướng dẫn sinh viên thực hiện nhiệm vụ khoa học được đánh giá xếp loại xuất sắc hoặc được triển khai ứng dụng vào thực tiễn.

Chương III

HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG SÁNG TẠO KHÔNG CHUYÊN

Điều 11. Mục tiêu hỗ trợ hoạt động sáng tạo

Nhằm thúc đẩy phong trào lao động sáng tạo của các cá nhân và tổ chức trong lĩnh vực khoa học công nghệ, thúc đẩy việc áp dụng có hiệu quả các giải pháp kỹ thuật mới vào lao động, sản xuất và đời sống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Tháp.

Điều 12. Lĩnh vực hoạt động sáng tạo được xem xét hỗ trợ

Các sản phẩm của hoạt động sáng tạo bao gồm các lĩnh vực:

1. Công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông.
2. Cơ khí, tự động hóa, xây dựng và giao thông vận tải.
3. Vật liệu, hóa chất, năng lượng.
4. Nông, lâm, ngư nghiệp, tài nguyên và môi trường.
5. Y dược.

6. Giáo dục, đào tạo.

Điều 13. Sản phẩm hoạt động sáng tạo được xem xét hỗ trợ

Đối tượng được xem xét, công nhận sản phẩm từ hoạt động sáng tạo để xem xét hỗ trợ theo quy định này gồm: giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào thực tế sản xuất và đời sống làm tăng năng suất, chất lượng một cách khác biệt, rõ rệt; các sản phẩm này được hiểu như sau:

1. Giải pháp kỹ thuật là cách thức kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nhằm giải quyết một nhiệm vụ, một vấn đề xác định, bao gồm:

a) Sản phẩm dưới các dạng: vật thể (ví dụ: dụng cụ, máy móc, thiết bị, linh kiện); chất (ví dụ: vật liệu, chất liệu, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm); hoặc giống cây trồng, giống vật nuôi.

b) Quy trình (ví dụ: quy trình công nghệ; quy trình chẩn đoán, dự báo, kiểm tra, xử lý, kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt...).

2. Giải pháp quản lý là cách thức tổ chức, điều hành công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

a) Phương pháp tổ chức công việc (ví dụ: bố trí nhân lực, máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu, vật liệu).

b) Phương pháp điều hành, kiểm tra, giám sát công việc.

3. Giải pháp tác nghiệp bao gồm các phương pháp thực hiện các thao tác kỹ thuật, nghiệp vụ trong công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào.

4. Giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật là phương pháp, cách thức hoặc biện pháp áp dụng một giải pháp kỹ thuật đã biết vào thực tiễn.

Điều 14. Điều kiện hỗ trợ

1. Sản phẩm của hoạt động nghiên cứu sáng tạo được xem xét hỗ trợ kinh phí là các sản phẩm đạt giải thưởng từ cấp tỉnh thuộc các đối tượng nêu tại Điều 13 Quy định này, tác giả là cá nhân hoặc nhóm cá nhân chưa có bằng cấp chuyên môn từ cao đẳng trở lên, mới được áp dụng lần đầu tiên.

2. Sản phẩm khi được áp dụng vào thực tế mang lại hiệu quả rõ rệt, làm tăng năng suất, chất lượng khác biệt, có khả năng nhân rộng trong sản xuất và đời sống.

3. Sản phẩm chưa được hỗ trợ kinh phí bằng nguồn ngân sách nhà nước từ lúc thử nghiệm đến khi hoàn thiện được áp dụng vào thực tế.

4. Được Hội đồng đánh giá đề nghị hỗ trợ kinh phí và được Tổ Thẩm định xác định cụ thể mức kinh phí đề nghị hỗ trợ theo đúng quy định hiện hành.

Điều 15. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

Hồ sơ đề nghị bao gồm:

1. Văn bản đề nghị hỗ trợ (theo mẫu).
2. Báo cáo mô tả nội dung, kết quả, phạm vi ứng dụng sản phẩm.
3. Mô hình hoạt động sản phẩm (vật thể, bản vẽ, video clip, quy trình...).
4. Văn bản xác nhận quyền tác giả, đồng tác giả của sản phẩm sáng tạo (nếu có).

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và xúc tiến công tác hỗ trợ theo Quy định này.

Điều 16. Hội đồng đánh giá sản phẩm đề nghị hỗ trợ

1. Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ đánh giá sản phẩm từ hoạt động sáng tạo do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập có từ 07 – 09 người.

2. Thành phần Hội đồng

a) Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Ủy viên phản biện (02 thành viên) là những chuyên gia có chuyên môn sâu, am hiểu về lĩnh vực có sản phẩm sáng tạo đề nghị hỗ trợ.

c) Các Ủy viên Hội đồng là lãnh đạo ngành, đơn vị liên quan với lĩnh vực có sản phẩm sáng tạo đề nghị hỗ trợ, người làm công tác quản lý khoa học và công nghệ.

d) Những trường hợp sau không được tham gia Hội đồng:

- Người đang bị xử phạt do vi phạm hành chính, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích;

- Người có mối quan hệ gia đình với tác giả, đồng tác giả đề nghị hỗ trợ hoặc người có quyền và lợi ích liên quan khác;

- Người có xung đột lợi ích với tác giả, đồng tác giả đề nghị hỗ trợ.

3. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng

a) Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp, nêu ý kiến tư vấn, nhận xét, đánh giá trong phiên họp Hội đồng.

b) Đánh giá trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về các ý kiến tư vấn của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng.

4. Phương thức làm việc Hội đồng

a) Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực.

b) Hồ sơ đánh giá được gửi đến các thành viên Hội đồng ít nhất 05 ngày làm việc trước phiên họp.

c) Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch và ít nhất 01 Ủy viên phản biện. Ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo.

d) Ý kiến của các thành viên Hội đồng và kiến nghị của Hội đồng phải được lập thành văn bản; Các ý kiến kết luận của Hội đồng được thông qua khi có trên 2/3 số thành viên của Hội đồng có mặt biểu quyết nhất trí.

e) Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng biểu mẫu làm việc của Hội đồng tư vấn theo quy định và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

g) Kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn là Biên bản làm việc ghi đầy đủ, chi tiết nội dung, tiến trình và kết luận cuộc họp, kèm những kiến nghị theo quy định.

5. Tiêu chí đánh giá để được hỗ trợ

a) Về nội dung của sản phẩm: Mô tả ngắn gọn, đầy đủ và rõ ràng các bước thực hiện giải pháp cũng như các điều kiện cần thiết để áp dụng giải pháp; nếu là giải pháp cải tiến thì cần nêu rõ tình trạng của giải pháp trước khi được cải tiến, những nội dung đã cải tiến, sáng tạo để khắc phục những nhược điểm của giải pháp đã biết. Bản mô tả nội dung sáng kiến có thể minh họa bằng các bản vẽ, thiết kế, sơ đồ, ảnh chụp mẫu sản phẩm... nếu cần thiết.

b) Tính khả thi trong ứng dụng và nhân rộng sản phẩm.

c) Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được khi áp dụng thử, áp dụng lần đầu giải pháp và khi nhân rộng áp dụng giải pháp.

d) Khả năng đăng ký và chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp.

6. Kinh phí chi cho hoạt động Hội đồng đánh giá sản phẩm áp dụng theo chế độ như Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành.

Chương IV **KINH PHÍ HỖ TRỢ**

Điều 17. Nguồn kinh phí

1. Kinh phí triển khai thực hiện nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục, đào tạo và hỗ trợ hoạt động sáng tạo không chuyên trên địa bàn tỉnh gồm kinh phí thực hiện các nội dung được duyệt và kinh phí quản lý nhiệm vụ theo quy định chung.

2. Kinh phí thực hiện nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục, đào tạo và hỗ trợ hoạt động sáng tạo không chuyên trên địa bàn tỉnh gồm các nguồn kinh phí sau:

- Nguồn kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học được cân đối về Sở Khoa học và Công nghệ để hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân thực hiện;
- Nguồn của cơ sở giáo dục, đào tạo;

- Nguồn tham gia đóng góp của các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng kết quả từ hoạt động nghiên cứu khoa học và hoạt động sáng tạo;
- Các nguồn tài trợ hợp pháp khác;
- Khuyến khích tổ chức, cá nhân thực hiện nghiên cứu khoa học hoạt động sáng tạo huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện nhiệm vụ.

3. Kinh phí quản lý nhiệm vụ khoa học tại các cơ sở giáo dục, đào tạo và hỗ trợ hoạt động sáng tạo không chuyên được lấy từ ngân sách sự nghiệp khoa học được cân đối về Sở Khoa học và Công nghệ để chi cho hoạt động quản lý.

4. Việc xây dựng dự toán, phê duyệt dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục, đào tạo và hỗ trợ hoạt động sáng tạo không chuyên được thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý tài chính khoa học và công nghệ hiện hành.

Điều 18. Căn cứ lập dự toán và phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước

Nội dung và định mức làm cơ sở cho việc lập dự toán và thẩm định dự toán hỗ trợ nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục, đào tạo và hỗ trợ hoạt động sáng tạo không chuyên được thực hiện theo Quyết định số 13/2016/UBND ngày 26 tháng 02 năm 2016 và Quyết định số 13/2018/UBND ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các văn bản bổ sung, sửa đổi (nếu có).

Điều 19. Định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

1. Đối với hoạt động nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục, đào tạo được hỗ trợ theo Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các văn bản bổ sung, sửa đổi (nếu có).

2. Đối với hoạt động sáng tạo được hỗ trợ tối đa 100% kinh phí cần thiết để hoàn thành sản phẩm ứng dụng vào thực tế có hiệu quả, sau khi được Hội đồng đánh giá sản phẩm đề nghị hỗ trợ.

Điều 20. Xác định mức kinh phí hỗ trợ

1. Căn cứ kiến nghị triển khai của Hội đồng tư vấn xét duyệt hồ sơ giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc kết luận đề nghị hỗ trợ của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ đánh giá sản phẩm sáng tạo, Tổ Thẩm định dự toán kinh phí tiến hành thẩm định dự toán các nội dung của hồ sơ đã được Hội đồng xét duyệt thông qua hoặc kinh phí thực hiện sản phẩm sáng tạo được hỗ trợ.

2. Khi mức đề nghị hỗ trợ đối với sản phẩm sáng tạo trên 300 triệu đồng, việc thẩm định kinh phí hỗ trợ do Tổ Thẩm định dự toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện. Kinh phí làm việc và chế độ thù lao cho Tổ Thẩm định dự toán kinh phí hỗ trợ được thực hiện theo Quyết định số

34/2017/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các văn bản bổ sung, sửa đổi (nếu có).

3. Căn cứ kết quả làm việc của Tổ Thẩm định dự toán, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt mức hỗ trợ theo phân cấp tại Điều 21 của Quy định này.

Điều 21. Phân cấp phê duyệt mức hỗ trợ

1. Giao cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt mức hỗ trợ đối với nội dung tại Điều 5 và Điều 13 của Quy định này tối đa 300 triệu đồng.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với các nội dung ở Điều 13 của Quy định này mức thẩm định kinh phí hỗ trợ trên 300 triệu đồng.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý

1. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ xác định nhiệm vụ, xét giao nhiệm vụ, đánh giá nghiệm thu kết quả nghiên cứu và sản phẩm sáng tạo đề nghị hỗ trợ theo quy định;
- Tổ chức thẩm định kinh phí đề hỗ trợ thực hiện theo quy định;
- Cấp phát kinh phí thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ đã được phê duyệt theo quy định;
- Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các nhiệm vụ triển khai thực hiện theo quy định;
- Hướng dẫn các đơn vị, cá nhân triển khai thực hiện tốt các nội dung, nhiệm vụ được phê duyệt hỗ trợ thực hiện;
- Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với sản phẩm nghiên cứu khoa học, sản phẩm sáng tạo.
- Hằng năm, tổng hợp và báo cáo kết quả hỗ trợ cho đơn vị, cá nhân về Ủy ban nhân dân Tỉnh.

2. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục, đào tạo

- Xem xét, chọn lựa đề xuất nội dung nghiên cứu, ứng dụng đáp ứng theo Điều 4, Điều 5 và Điều 6, của Quy định này.
- Giám sát việc triển khai thực hiện nhiệm vụ được phê duyệt.
- Phân công giáo viên, cán bộ giảng dạy phụ trách, hướng dẫn thực hiện.
- Tiếp nhận kinh phí hỗ trợ và chịu trách nhiệm sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính

- Bố trí kinh phí để thực hiện hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục, đào tạo và hoạt động sáng tạo trên địa bàn tỉnh;
- Kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định;
- Tham gia thẩm định kinh phí hỗ trợ theo quy định;
- Hướng dẫn, hỗ trợ Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện chế độ thanh, quyết toán vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ đúng quy định.

4. Trách nhiệm của các ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Chọn lựa, đề xuất sản phẩm có từ hoạt động sáng tạo của ngành, địa bàn quản lý để xem xét, hỗ trợ.
- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc thẩm định, đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ thuộc phạm vi lĩnh vực của ngành, địa bàn quản lý.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp có văn bản viện dẫn theo Quy định này được điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.
2. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức triển khai và hướng dẫn thực hiện các nội dung của Quy định này, đồng thời xây dựng, ban hành các biểu mẫu liên quan đến việc quản lý, tổ chức triển khai và hỗ trợ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo Quy định này.
3. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, chưa phù hợp thực tế và quy định của Trung ương, các ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Hùng